

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Sau khi nghe Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị kết luận:

I- TÌNH HÌNH

Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đạt được nhiều kết quả tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đời sống, sinh hoạt của người dân. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước từng bước được hoàn thiện; nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngành nước được tăng cường. Công tác điều tra cơ bản, quy hoạch liên quan đến nguồn nước được quan tâm. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, phòng, chống thiên tai được thực hiện thường xuyên. Hợp tác quốc tế được mở rộng, nhất là với các quốc gia có chung nguồn nước với Việt Nam trong khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn nước xuyên biên giới.

Tuy nhiên, công tác bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước còn nhiều hạn chế. Công tác quản trị nguồn nước còn yếu, chưa hiệu quả; ý thức, trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương và người dân trong việc quản lý, khai thác, sử dụng nước chưa cao; ô nhiễm nguồn nước ngày càng nghiêm trọng. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước còn thiếu, chưa đồng bộ. Nhiều công trình thủy lợi xuống cấp; rủi ro, mất an toàn đập, hồ chứa nước có xu hướng gia tăng. Việc phát triển công nghiệp, đô thị chưa gắn với bảo đảm an ninh nguồn nước, làm suy giảm số lượng, chất lượng nguồn nước, thậm chí gây mất an ninh nguồn nước. Hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh nguồn nước hiệu quả chưa cao...

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước, bảo vệ, sử dụng nước chưa đầy đủ. Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nguồn nước từ các quốc gia thượng nguồn. Công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, thiếu thống nhất; thể chế, chính sách chậm được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; chưa chú trọng đến quản trị nguồn nước, kinh tế tài nguyên nước; nguồn lực đầu tư cho bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước chủ yếu là ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực xã hội còn hạn chế; chế tài xử lý các hành vi vi phạm chưa nghiêm...

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH NGUỒN NƯỚC VÀ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý. Chủ động tích trữ, điều hoà nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Đến năm 2025*: Hoàn thành việc lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến nước; 95% hộ gia đình ở thành thị và 60% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất, đặc biệt là các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, miền núi phía Bắc; cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế.

- *Đến năm 2030*: Cân đối đủ nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết căn bản nước sinh hoạt cho các đảo có đông dân cư; hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình điều tiết nước mặn, nước ngọt,

tích trữ nước trên các lưu vực sông lớn; hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ; bước đầu khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng tại một số lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi lớn; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước quốc gia theo phương thức quản trị nguồn nước của quốc tế.

- *Đến năm 2045*: Chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi; hoàn thiện chính sách về nước đồng bộ, thống nhất liên ngành, liên vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp nhận thức đúng, đầy đủ về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước, trên cơ sở đó xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các cấp, các ngành và người dân trong thực hiện công tác này. Phát huy vai trò giám sát của người dân, cộng đồng; vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong tuyên truyền, vận động nhân dân quản lý, chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi. Sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nguồn nước bảo đảm thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương và sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp, địa phương; rà soát, thống nhất đơn vị quản lý, khai thác thủy lợi vùng, quốc gia.

Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm liên kết, kết nối nguồn nước liên tỉnh, liên vùng; kết hợp lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án đầu tư công để đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đa mục tiêu; hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, bảo đảm năng lực cấp nước, tiêu thoát nước, kết hợp phục hồi nguồn nước suy thoái, ô nhiễm.

Có chính sách thu hút nguồn vốn ODA để đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước, liên kết, kết nối nguồn nước và công trình bảo đảm an sinh xã hội; hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, vật tư cho người dân các vùng khan hiếm nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai. Bố trí đủ nguồn lực, trước hết là ngân sách nhà nước để nâng cấp, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước trước các mùa mưa lũ.

2.3. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thủy lợi, tài nguyên nước và điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng nguồn nước

Chủ động nghiên cứu, đánh giá tác động việc xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện ở các quốc gia có chung dòng sông với nước ta; xây dựng kịch bản phát triển, giải quyết các tác động cục bộ về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ môi trường nước; có giải pháp dài hạn cho vùng đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và các vùng có nguy cơ cao về mất an ninh nguồn nước.

Tăng cường công tác quy hoạch, điều tra cơ bản, giám sát, kiểm kê, đánh giá trữ lượng nguồn nước, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn nước trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyên đổi số, bảo đảm sự kết nối, chia sẻ hiệu quả giữa các cấp, bộ, ngành, địa phương.

2.4. Chủ động tích trữ, điều hoà, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội

Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực sản xuất sử dụng nhiều nước; thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, theo dõi, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất để giảm thất thoát, lãng phí; tăng cường thực hiện các biện pháp sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp tiết kiệm, hiệu quả. Triển khai các giải pháp công nghệ lọc nước biển, bổ sung nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp tại các vùng khan hiếm nước, xâm nhập mặn.

Đầu tư xây dựng công trình bảo vệ, kiểm soát nguồn nước, cấp, trữ nước, chuyển nước cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo,

vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn do biến đổi khí hậu. Đầu tư khép kín, hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm chủ động trữ nước ngọt, điều hoà, phân phối nguồn nước trong nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng, toàn quốc, phân bổ nước cho các vùng kinh tế trọng điểm, miền núi phía Bắc, ven biển miền Trung, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp, thoát nước sinh hoạt nông thôn, đô thị, ưu tiên đầu tư cho khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; thực hiện giải pháp tích trữ nước quy mô nhỏ, hộ gia đình phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

2.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước

Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng thoát lũ theo thiết kế, trong đó ưu tiên các công trình có nguy cơ rủi ro cao, lưu vực tập trung dòng chảy nhanh. Khẩn trương nghiên cứu xây dựng mới các đập, hồ chứa nước, công trình điều tiết nguồn nước tại các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt để tích trữ nước, chuyển nước, kiểm soát mặn, cát giảm lũ; nâng cấp, hiện đại hoá các công trình phòng, chống tác hại của nước, bảo đảm an toàn chống lũ, nước biển dâng kết hợp kiểm soát nguồn nước.

Rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, quy trình vận hành của các đập, hồ chứa nước, nạo vét bồi lắng lòng hồ, bảo đảm dung tích phòng lũ của hồ chứa theo thiết kế. Hiện đại hoá hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở thông tin dữ liệu liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, kết nối với hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn để phục vụ quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước theo thời gian thực. Tăng cường công tác quản lý, vận hành các đập, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập.

2.6. Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu

Tăng cường năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, nguy cơ mất an ninh nguồn nước theo thời gian thực; kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu, bảo đảm chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh. Tăng cường chuyển đổi số, hiện đại hoá công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ chứa nước.

Nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, chú trọng mạng lưới trạm thủy văn chuyên dùng, hệ thống giám sát mặn, động đất,

sóng thần. Xây dựng, củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn công trình thuỷ lợi, thuỷ điện. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển; Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ và khu vực bị sạt lở vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng trung du và miền núi phía Bắc; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển.

2.7. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thông minh, vật liệu thân thiện với môi trường, phục vụ quản lý nguồn nước, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. Chú trọng ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ; đẩy mạnh chuyển đổi số để quản lý, điều tiết nguồn nước, ứng phó với thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ưu tiên ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tái sử dụng nước, phát triển, tạo nguồn nước mới, thu, tích trữ, điều tiết, điều hoà, chuyển nước, liên kết nguồn nước; sử dụng tiết kiệm nước, hiệu quả, an toàn, tuần hoàn, giảm thất thoát nước, tăng hiệu quả sử dụng nước; giám sát, quan trắc an toàn cho hệ thống hồ, đập và mạng lưới khí tượng thuỷ văn và hệ thống quan trắc, cảnh báo động đất, sóng thần; quản lý hiệu quả nhu cầu sử dụng nước trong các ngành kinh tế, nhất là trong nông nghiệp. Xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

2.8. Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thuỷ, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải, chất thải xả vào nguồn nước, nhất là nước thải sinh hoạt, công nghiệp. Đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi không còn khả năng chịu tải.

Xây dựng và triển khai lộ trình cấm sử dụng các loại hoá chất độc hại gây ô nhiễm nguồn nước; quản lý chặt chẽ khai thác nước ngầm ở khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, sụt lún đất. Đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng, bảo vệ nguồn nước. Bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn; đẩy nhanh việc phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, khu vực sa mạc hoá; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thuỷ, các hệ sinh thái ngập nước quan trọng.

2.9. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh nguồn nước

Thực hiện hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế liên quan đến an ninh nguồn nước, quản trị và chia sẻ nguồn nước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trọng tâm là các lưu vực sông Mê Công, Sông Hồng - Thái Bình. Tăng cường xây dựng cơ chế hợp tác song phương về quản lý, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, hoạt động phát triển thủy điện, khai thác nguồn nước trên các lưu vực sông quốc tế, kịp thời có giải pháp thích ứng, chủ động trong mọi tình huống.

Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách; xây dựng các khuôn khổ hợp tác mới với các quốc gia, tổ chức, đối tác quốc tế, cũng như các cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột nguồn nước xuyên biên giới. Đẩy mạnh công tác ngoại giao về nước với các quốc gia có chung nguồn nước với Việt Nam và các đối tác quốc tế khác thông qua đối mới sáng tạo, sáng kiến trong cách tiếp cận quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, bền vững nguồn nước xuyên biên giới, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và tăng cường hợp tác ở các cấp.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động để thực hiện Kết luận; cụ thể hoá các nội dung về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và giám sát thực hiện trên phạm vi cả nước.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng Kế hoạch, Chương trình hành động thực hiện Kết luận; phê duyệt và tổ chức triển khai hiệu quả Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trình Quốc hội ban hành, hoặc phê duyệt theo thẩm quyền, bảo đảm nhất quán, đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện; rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nguồn nước theo hướng thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả,

bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương; có đầu mối tổ chức triển khai bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; nghiên cứu thống nhất đơn vị quản lý, khai thác, vận hành hệ thống thủy lợi vùng, quốc gia.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện và giám sát thực hiện Kết luận.

5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kết luận này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên
Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thường